

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2019

V/v đề nghị hỗ trợ kinh phí tiêu hủy lợn  
nhiễm bệnh do Dịch tả lợn Châu Phi  
trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố thì đến ngày 30/10/2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định đã tiêu hủy 26.821 con lợn nhiễm bệnh do Dịch tả lợn Châu Phi (tương ứng với 1.347.568 kg), theo đó, tổng kinh phí phải chi trả theo chính sách hỗ trợ người chăn nuôi có lợn tiêu hủy là 42.880 triệu đồng (*chi tiết tại phụ lục 1, 1a, 1b*).

Căn cứ Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ kinh phí trong công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi thì:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ (70%): 30.016 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương hỗ trợ (30%): 12.864 triệu đồng.

Để kịp thời hỗ trợ kinh phí cho hộ chăn nuôi khắc phục thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 và Quyết định số 2618/QĐ-UBND ngày 30/07/2019 với tổng kinh phí hỗ trợ là 24.150,199 triệu đồng (trong đó, tạm ứng ngân sách tỉnh cho phần nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương là 17.328,892 triệu đồng). Hiện nay, ngân sách tỉnh Bình Định đang khó khăn trong việc thực hiện các nội dung theo dự toán chi đã được HĐND tỉnh giao đầu năm.

Nhằm đảm bảo nguồn lực hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn bị xử lý tiêu hủy do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi sớm khôi phục sản xuất và hoàn trả lại các khoản đã tạm ứng ngân sách tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét hỗ trợ ngân sách địa phương phần kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương (70%) là 30.016 triệu đồng để thực hiện chính sách nêu trên

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT quan tâm giải quyết ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT Trần Châu;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7, K10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Châu**

**Phụ lục 1:**

**Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ người chăn nuôi có lợn buộc phải tiêu hủy do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tới thời điểm 30/10/2019**

*(Kèm theo Văn bản số      /UBND-KT ngày    /11/2019 của UBND tỉnh Bình Định)*

| STT | Địa phương     | Tổng hợp thiệt hại (từ đầu năm 2019 đến ngày 30/10/2019) |                  |                   |                  | Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ) | Trong đó                       |                                 |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------|------------------|-------------------|------------------|-------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
|     |                | Lợn nái, lợn đực giống                                   |                  | Lợn thịt, lợn con |                  |                         | Ngân sách TW hỗ trợ 70% (Tr.đ) | Ngân sách địa phương 30% (Tr.đ) |
|     |                | Số lượng (con)                                           | Trọng lượng (kg) | Số lượng (con)    | Trọng lượng (kg) |                         |                                |                                 |
| 1   | 2              | 3                                                        | 4                | 5                 | 6                | 7                       | 8                              | 9                               |
|     | <b>TỔNG SỐ</b> | <b>5.764</b>                                             | <b>800.388</b>   | <b>21.057</b>     | <b>547.180</b>   | <b>42.880</b>           | <b>30.016</b>                  | <b>12.864</b>                   |
| 1   | Quy Nhơn       | 133                                                      | 15.269           | 808               | 14.904           | 882                     | 617                            | 265                             |
| 2   | An Nhơn        | 1.862                                                    | 386.453          | 9.955             | 312.963          | 21.924                  | 15.347                         | 6.577                           |
| 3   | Tuy Phước      | 2.073                                                    | 177.945          | 4.487             | 95.460           | 8.762                   | 6.134                          | 2.629                           |
| 4   | Tây Sơn        | 193                                                      | 41.769           | 1.135             | 29.700           | 2.211                   | 1.547                          | 663                             |
| 5   | Phù Cát        | 241                                                      | 49.050           | 1.171             | 25.529           | 2.768                   | 1.937                          | 830                             |
| 6   | Phù Mỹ         | 290                                                      | 28.497           | 516               | 12.382           | 1.395                   | 977                            | 419                             |
| 7   | Hoài Ân        | 130                                                      | 18.459           | 584               | 9.495            | 827                     | 579                            | 248                             |
| 8   | Hoài Nhơn      | 543                                                      | 73.031           | 1.941             | 33.599           | 3.404                   | 2.383                          | 1.021                           |
| 9   | Vân Canh       | 266                                                      | 5.309            | 372               | 12.384           | 550                     | 385                            | 165                             |
| 10  | An Lão         | 33                                                       | 4.606            | 88                | 764              | 157                     | 110                            | 47                              |

**Ghi chú:**

- Từ đầu năm 2019 đến ngày 26/6/2019 mức hỗ trợ theo Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 và công văn số 2320/UBND-KT ngày 04/5/2019: đối với lợn nái, lợn đực giống đang khai thác là 45.000 đ/kg hơi; đối với lợn con và lợn thịt các loại hỗ trợ 30.000 đồng/kg hơi;

- Từ ngày 27/6/2019 đến nay mức hỗ trợ theo Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ đối với lợn nái, lợn đực giống đang khai thác là 30.000 đ/kg hơi; đối với lợn con và lợn thịt các loại hỗ trợ 25.000 đồng/kg hơi;

**Phụ lục 1a:**

**Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ người chăn nuôi có lợn buộc phải tiêu hủy do bệnh dịch tả lợn Châu Phi (từ đầu năm 2019 đến ngày 26/6/2019)**

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày /11/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

| STT | Địa phương | Tổng hợp thiệt hại (từ đầu năm 2019 đến ngày 26/6/2019) |                  |                   |                  | Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)   |
|-----|------------|---------------------------------------------------------|------------------|-------------------|------------------|---------------------------|
|     |            | Lợn nái, lợn đực giống                                  |                  | Lợn thịt, lợn con |                  |                           |
|     |            | Số lượng (con)                                          | Trọng lượng (kg) | Số lượng (con)    | Trọng lượng (kg) |                           |
| 1   | 2          | 3                                                       | 4                | 5                 | 6                | 7 =<br>(4)*0,045+(6)*0,03 |
|     | TỔNG SỐ    | 2.686                                                   | 274.600          | 7.288             | 213.949          | 18.775                    |
| 1   | Quy Nhơn   | 20                                                      | 2.570            | 130               | 2.547            | 192                       |
| 2   | An Nhơn    | 676                                                     | 128.119          | 3.625             | 116.839          | 9.271                     |
| 3   | Tuy Phước  | 1.240                                                   | 57.239           | 1.095             | 35.773           | 3.649                     |
| 4   | Tây Sơn    | 69                                                      | 10.589           | 504               | 11.242           | 814                       |
| 5   | Phù Cát    | 180                                                     | 38.552           | 694               | 15.932           | 2.213                     |
| 6   | Phù Mỹ     | 112                                                     | 12.648           | 348               | 8.205            | 815                       |
| 7   | Hoài Ân    | 11                                                      | 1.764            | 55                | 1.883            | 136                       |
| 8   | Hoài Nhơn  | 131                                                     | 21.192           | 540               | 11.116           | 1.287                     |
| 9   | Vân Canh   | 247                                                     | 1.927            | 297               | 10.412           | 399                       |
| 10  | An Lão     |                                                         |                  |                   |                  | 0                         |

**Ghi chú:**

- Từ đầu năm 2019 đến ngày 26/6/2019 mức hỗ trợ theo Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 và công văn số 2320/UBND-KT ngày 04/5/2019: đối với lợn nái, lợn đực giống đang khai thác là 45.000 đ/kg hơi; đối với lợn con và lợn thịt các loại hỗ trợ 30.000 đồng/kg hơi;

**Phụ lục 1b:**

**Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ người chăn nuôi có lợn buộc phải tiêu hủy do bệnh dịch tả lợn Châu Phi (từ ngày 27/6/2019 đến ngày 30/10/2019)**

(Kèm theo Văn bản số        /UBND-KT ngày    /11/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

| STT | Địa phương | Tổng hợp thiệt hại (từ ngày 27/6/2019 đến ngày 30/10/2019) |                  |                   |                  | Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)   |
|-----|------------|------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|------------------|---------------------------|
|     |            | Lợn nái, lợn đực giống                                     |                  | Lợn thịt, lợn con |                  |                           |
|     |            | Số lượng (con)                                             | Trọng lượng (kg) | Số lượng (con)    | Trọng lượng (kg) |                           |
| 1   | 2          | 3                                                          | 4                | 5                 | 6                | 7 =<br>(4)*0,03+(6)*0,025 |
|     | TỔNG SỐ    | 3.078                                                      | 525.788          | 13.769            | 333.231          | 24.104                    |
| 1   | Quy Nhơn   | 113                                                        | 12.699           | 678               | 12.357           | 690                       |
| 2   | An Nhơn    | 1.186                                                      | 258.334          | 6.330             | 196.124          | 12.653                    |
| 3   | Tuy Phước  | 833                                                        | 120.706          | 3.392             | 59.687           | 5.113                     |
| 4   | Tây Sơn    | 124                                                        | 31.180           | 631               | 18.458           | 1.397                     |
| 5   | Phù Cát    | 61                                                         | 10.498           | 477               | 9.597            | 555                       |
| 6   | Phù Mỹ     | 178                                                        | 15.849           | 168               | 4.177            | 580                       |
| 7   | Hoài Ân    | 119                                                        | 16.695           | 529               | 7.612            | 691                       |
| 8   | Hoài Nhơn  | 412                                                        | 51.839           | 1.401             | 22.483           | 2.117                     |
| 9   | Vân Canh   | 19                                                         | 3.382            | 75                | 1.972            | 151                       |
| 10  | An Lão     | 33                                                         | 4.606            | 88                | 764              | 157                       |

**Ghi chú:**

- Từ ngày 27/6/2019 đến nay mức hỗ trợ theo Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ đối với lợn nái, lợn đực giống đang khai thác là 30.000 đ/kg hơi; đối với lợn con và lợn thịt các loại hỗ trợ 25.000 đồng/kg hơi;